

Bản án số: 27/2024/HNGĐ - ST.

Ngày 30/8/2024.

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình
có yếu tố nước ngoài*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phúc An Hoàn,

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh và bà Lê Đào Bích.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Bà Ma Thị Thắm- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 17/2024/TLST - HNGĐ, ngày 28 tháng 6 năm 2024, về việc “*Xin ly hôn có yếu tố nước ngoài*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 23/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Ma Đức H, sinh năm 1993; Nơi ĐKKHKT: Thôn Càng N, xã Hoà P, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Q; Địa chỉ hiện nay: Phòng 206, Toà nhà Village House Makabe 4, 2-4-1 Ekiminami, thành phố Soja, tỉnh Okama, Nhật Bản; SĐT: 0866.954.392.

Người đại diện theo uỷ quyền giao nhận tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn: Ông Phạm Tiến H1 và bà Đào Thị Thu Ng; cùng địa chỉ: Tầng 4, số 32 Đỗ Q, phường Trung H, quận Cầu G, thành phố HN; SĐT: 0784.217.682 hoặc 0349.765.911.

*** Bị đơn:** Chị Lã Thị Tuyết L, sinh năm 1993; Nơi ĐKKHKT: Thôn Càng N, xã Hoà P, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Q; Địa chỉ hiện nay: Phòng 2, 8042-1 Shiomachi, thành phố Omachi, tỉnh Nagano, Nhật Bản; SĐT: 0343.795.847.

Người đại diện theo uỷ quyền giao nhận tài liệu, chứng cứ của bị đơn: Ông Phạm Tiến H1 và bà Đào Thị Thu Ng; cùng địa chỉ: Tầng 4, số 32 Đỗ Q, phường Trung H, quận Cầu G, thành phố HN. SĐT: 0784.217.682 hoặc 0349.765.911.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

- Bà Hà Thị X, sinh năm 1963;
- Ông Ma Đức D, sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ: Thôn Càng N, xã Hòa P, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Q; SĐT: 0973.360.215 hoặc 0972.861.341.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Ma Đức H trình bày:

Anh H và chị L đăng ký kết hôn năm 2016 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và đã được UBND xã Hòa P, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Q cấp giấy chứng nhận kết hôn theo số: 16 vào ngày 15/4/2016.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống bình thường. Tháng 9/2018, anh Ma Đức H qua Nhật Bản sinh sống và làm việc. Đến khoảng tháng 5/2019, do khoảng cách địa lý và tính chất công việc nên chúng tôi không ở cùng nhau nên vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có sự khác nhau về quan điểm sống, phong cách sinh hoạt dẫn đến nhiều cãi vã, không còn tin tưởng lẫn nhau, cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, vợ chồng không hạnh phúc. Tới khoảng tháng 5/2022, chị L cũng qua Nhật Bản cùng làm ăn sinh sống. Trong suốt thời gian mâu thuẫn, chúng tôi đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng hai bên vẫn không có được tiếng nói chung. Mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng nên kể từ tháng 4/2023, vợ chồng đã ly thân đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa.

Nay anh H nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, đời sống chung không thể kéo dài thêm, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho anh được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Ma Bảo Ch, sinh ngày 27/11/2016; Giới tính: Nữ. Từ bé cháu Ch đã ở và sinh sống với ông bà nội tại địa chỉ thôn Càng N, xã Hòa P, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Q. Khi ly hôn anh đề nghị giải quyết con chung như sau: Giao cháu Ma Bảo Ch cho anh Ma Đức H chăm sóc, nuôi dưỡng. Do anh H đang làm việc tại nước ngoài không thể chăm sóc, nuôi dưỡng cháu nên để đảm bảo cháu Ch phát triển ổn định về cả thể chất lẫn tinh thần nên anh đồng ý giao cháu Ch cho ông bà nội là ông Ma Đức D (CCCD số 008070000178 do Cục Cảnh sát QLHC và TTXH cấp ngày 12/3/2021) và bà Hà Thị X (CCCD số 008163000324 do Cục Cảnh sát QLHC và TTXH cấp ngày 26/12/2023) thay anh nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Ch cho đến khi anh H về nước hoặc cho đến khi cháu Ch đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Anh H và chị Lã Thị Tuyết L mỗi người phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Ma Bảo Ch số tiền 2.500.000 đồng/tháng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng/tháng).

Về tài sản chung: Anh H xác định không có nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án chị Lã Thị Tuyết L trình bày như sau: Chị và anh H đăng ký kết hôn năm 2016 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và đã được UBND xã Hòa P, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Q cấp giấy chứng nhận kết hôn theo số: 16 vào ngày 15/4/2016.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống bình thường. Tháng 9/2018, anh Ma Đức H qua Nhật Bản sinh sống và làm việc. Đến khoảng tháng 5/2019, do khoảng cách địa lý và tính chất công việc nên chúng tôi không ở cùng nhau nên vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có sự khác nhau về quan điểm sống, phong cách sinh hoạt dẫn đến nhiều cãi vã, không còn tin tưởng lẫn nhau, cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, vợ chồng không hạnh phúc. Tới khoảng tháng 5/2022, chị L cũng qua Nhật cùng làm ăn sinh sống. Trong suốt thời gian mâu thuẫn, chúng tôi đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng hai bên vẫn không có được tiếng nói chung. Mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng nên kể từ tháng 4/2023, vợ chồng đã ly thân đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa.

Nay anh H nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn và có đơn gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị L. Chị L hoàn toàn đồng ý với yêu cầu của anh Ma Đức H. Bởi lẽ tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là cháu Ma Bảo Ch, sinh ngày 27/11/2016; Giới tính: Nữ. Từ bé cháu Ch đã ở và sinh sống với ông bà nội tại địa chỉ thôn Càng N, xã Hòa P, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Q. Khi ly hôn chị L nhất trí giao cháu Ma Bảo Ch cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Nhưng do cả chị và anh H đều đang lao động ở nước ngoài nên chị nhất trí để cháu Ch sống cùng ông nội là Ma Đức D, sinh năm 1970 và bà nội là Hà Thị X, sinh năm 1963 tại thôn Càng N, xã Hòa P, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Q đến khi anh H về nước hoặc đến khi cháu Ch đủ 18 tuổi như ý kiến đề nghị của anh H. Chị L nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Ma Bảo Ch số tiền 2.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị L xác định không có, nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và biên bản xác minh người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Ma Đức D và bà Hà Thị X trình bày như sau:

Anh H và chị L đăng ký kết hôn năm 2016 trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Hòa P, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Q cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 15/4/2016. Sau khi kết hôn anh chị H, L chung sống cùng vợ chồng ông bà D, X tại thôn Càng N, xã Hòa P, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Q. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng anh H, chị L vẫn hạnh phúc. Đến tháng 9/2018 anh H qua Nhật Bản lao động, sau đây một thời gian đến khoảng tháng 5/2019 vợ chồng H L bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Đến tháng 5/2022 chị L cũng qua Nhật Bản làm ăn sinh sống. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng mâu thuẫn giữa anh

H và chị L không thể giải quyết được. Nay anh H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L, ông D bà X không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong thời kỳ hôn nhân anh H, chị L có một con chung là cháu Ma Bảo Ch, sinh ngày 27/11/2016. Anh H, chị L cùng có ý kiến giao cháu Ch cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhưng do cả hai đang lao động ở nước ngoài nên giao cháu Ch cho ông D bà X chăm sóc đến khi anh H về nước hoặc khi cháu Ch đủ 18 tuổi, anh H chị L mỗi người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Ma Bảo Ch số tiền 2.500.000 đồng/ tháng. Ông D, bà X nhất trí với ý kiến đề nghị của anh H, chị L.

Về tài sản chung, vay nợ chung anh H, chị L không có và ông D bà X cũng xác định không liên quan đến tài sản chung, nợ chung của vợ chồng anh Ma Đức H, chị Lã Thị Tuyết L.

Ý kiến của con chung cháu Ma Bảo Ch, sinh ngày 27/11/2016, cháu Ch trình bày như sau: Cháu là con chung của bố Ma Đức H và mẹ Lã Thị Tuyết L, hiện nay bố mẹ cháu có đơn xin ly hôn mà Tòa án đang giải quyết. Do bố mẹ cháu đang ở nước ngoài nên nếu bố mẹ ly hôn cháu mong muốn được ở cùng với ông Ma Đức D và bà Hà Thị X, là ông bà nội của cháu. Cháu đã ở với ông bà từ bé, được ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng và hết mức yêu thương cháu. Cháu mong Tòa chấp nhận nguyện vọng này của cháu.

Do anh Ma Đức H và chị Lã Thị Tuyết L đang ở nước ngoài, không yêu cầu hòa giải. Căn cứ các khoản 2, 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Anh Ma Đức H, chị Lã Thị Tuyết L, ông Ma Đức D và bà Hà Thị X đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến phiên tòa. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc xét xử vắng mặt anh Ma Đức H, chị Lã Thị Tuyết L, ông Ma Đức D và bà Hà Thị X phù hợp theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ có đủ cơ sở xác định cuộc sống vợ chồng của anh Ma Đức H và chị Lã Thị Tuyết L đã phát sinh mâu thuẫn, gia đình đã nhiều lần khuyên can hòa giải nhưng không được, không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy, căn cứ Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147; các khoản 2, 4 Điều 207; các Điều 228, 238; 271, 273; điểm d khoản 1 Điều 469; các Điều 474, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Ma Đức H, cho anh Ma Đức H được ly hôn với chị Lã Thị Tuyết L.

Về con chung: Giao cháu Ma Bảo Ch cho anh Ma Đức H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn đến khi đủ 18 tuổi. Do hiện nay anh Ma Đức H đang lao động ở nước ngoài nên tạm giao cháu Ch cho ông Ma Đức D và bà Hà Thị X chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi anh H về Việt Nam như đề nghị của anh H và chị L.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh H, chị L xác định không có, không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Anh Ma Đức H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí anh Ma Đức H đã nộp, anh H đã nộp đủ án phí. Chị Lã Thị Tuyết L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quyền kháng cáo bản án: Anh Ma Đức H, chị Lã Thị Tuyết L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ông Ma Đức D và bà Hà Thị X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật giải quyết vụ án:

Anh Ma Đức H và chị Lã Thị Tuyết L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 16 ngày 15 tháng 4 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa P, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Q, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp. Ngày 02/7/2024, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Tuyên Quang có công văn số 735/PA08 - Đ1 về cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của công dân, nội dung: “Ma Đức H, sinh ngày 21/5/1993, số hộ chiếu hiện hành E01924508. Lần anh Ma Đức H xuất cảnh ra nước ngoài gần nhất là ngày 27/6/2024 tại Sân bay quốc tế Nội Bài (không có địa chỉ nơi đến)” và “Lã Thị Tuyết L, sinh ngày 18/01/1993, số hộ chiếu C8268414. Ngày 25/4/2022 Lã Thị Tuyết L xuất cảnh ra nước ngoài tại Sân bay quốc tế Nội Bài (không có địa chỉ nơi đến)”. Như vậy qua thu thập thông tin, tài liệu xác định anh Ma Đức H và chị Lã Thị Tuyết L hiện nay đang ở nước ngoài. Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang thụ lý vụ án để giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về xét xử vắng mặt các đương sự:

Anh Ma Đức H, chị Lã Thị Tuyết L hiện đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản đã có đơn xin xét xử vắng mặt có xác nhận của Đại sứ quán Nước Cộng hòa

xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Nhật Bản nộp cho Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang thông qua người đại diện theo ủy quyền giao, nhận tài liệu, chứng cứ. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Ma Đức D và bà Hà Thị X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt gửi đến Tòa án. Vì vậy, căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án xét xử vắng mặt anh Ma Đức H, chị Lã Thị Tuyết L, ông Ma Đức D và bà Hà Thị X là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Ma Đức H:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Ma Đức H và chị Lã Thị Tuyết L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có giấy chứng nhận kết hôn số 16, ngày 15/4/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa P, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Q theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp. Qua tài liệu thu thập xác định hiện nay anh Ma Đức H, chị Lã Thị Tuyết L đang ở nước ngoài. Căn cứ theo bản tự khai, trình bày của các đương sự có cơ sở xác định cuộc sống chung giữa anh H và chị L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm và không còn khả năng hàn gắn; do vậy cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Ma Đức H.

[2.2]. Về con chung: Quá trình chung sống anh H và chị L có một con chung là cháu Ma Bảo Ch, sinh ngày 27/11/2016. Khi ly hôn anh H có nguyện vọng được nuôi cháu Ch và yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.500.000 đồng/tháng đến khi cháu Ch đủ 18 tuổi, nhưng hiện nay anh H đang làm việc tại nước ngoài nên tạm giao cháu Ch cho ông Ma Đức D và Hà Thị X là bố, mẹ đẻ anh H để chăm sóc, giáo dục đến khi anh H về nước. Tại bản tự khai chị L đồng ý với ý kiến giao cháu Ch cho anh H được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc sau ly hôn, do anh H đang ở nước ngoài, nhất trí tạm giao cháu Ch cho ông Ma Đức D và Hà Thị X là ông bà nội cháu Ch nuôi dưỡng đến khi anh H về nước và chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là 2.500.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi còn nhỏ đến nay cháu Ch sống tại thôn Càng N, xã Hòa P, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Q; được ông D, bà X chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện nay anh H, chị L đều đang ở nước ngoài nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Ch được và trong quá giải quyết vụ án ông D, bà X có ý kiến sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ch đến khi anh H về Việt Nam. Như vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Ch, cần giao cháu Ch cho anh Ma Đức H có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn nhưng trong thời gian anh H lao động ở nước ngoài, sẽ tạm giao cháu Ch cho ông Ma Đức D và bà Hà Thị X thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi anh H về Việt Nam. Chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn cùng anh H số tiền 2.500.000 đồng/một tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 9/2024. Sau ly hôn chị Lã Thị Tuyết L có quyền, nghĩa vụ thăm

nom con chung không ai được cản trở và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[2.3]. Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh Ma Đức H, chị Lã Thị Tuyết L, ông Ma Đức D, bà Hà Thị X đều xác định anh H, chị L không có tài sản chung, không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về tiền án phí dân sự sơ thẩm: Anh Ma Đức H phải chịu tiền án phí ly hôn theo quy định. Chị Lã Thị Tuyết L phải chịu tiền án phí liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Ma Đức H, chị Lã Thị Tuyết L, ông Ma Đức D và bà Hà Thị X có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147; các khoản 2, 4 Điều 207; các Điều 228, 238; 271, 273; điểm d khoản 1 Điều 469; các Điều 474, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Ma Đức H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Ma Đức H được ly hôn với chị Lã Thị Tuyết L (theo giấy chứng nhận kết hôn số 16/2016, do Ủy ban nhân dân xã Hòa P, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Q cấp ngày 15/4/2016).

2. Về con chung: Giao cháu Ma Bảo Ch, sinh ngày 27/11/2016 cho anh Ma Đức H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn cho đến khi đủ 18 tuổi.

Chị Lã Thị Tuyết L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai có quyền cản trở. Chị Lã Thị Tuyết L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Anh Ma Đức H hiện đang lao động ở nước ngoài, tạm giao cháu Ma Bảo Ch cho ông Ma Đức D và bà Hà Thị X là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi anh Ma Đức H về Việt Nam.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lã Thị Tuyết L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cháu Ma Bảo Ch số tiền 2.500.000 đồng/tháng đến khi đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng thực hiện từ tháng 9/2024.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Ma Đức H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai

số 0000069 ngày 25/6/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang; anh Ma Đức H đã nộp đủ án phí.

Chị Lã Thị Tuyết L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Anh Ma Đức H, chị Lã Thị Tuyết L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Ma Đức D và bà Hà Thị X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà nội
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Hòa Phú, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phúc An Hoành

